

Số: 184/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996  
Trú tại: Xóm 7, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: anh Bùi Kim L, sinh năm 1988  
Nơi ĐKKHKT: Tổ 11A, khu 4A, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.  
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q.

Căn cứ vào: Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Kim L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Kim L thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Kim L có 01 người con chung là cháu: Bùi Kim Kỳ T, sinh ngày 26/4/2016. Khi ly hôn, chị T và anh L thỏa thuận thống nhất: Giao con chung là cháu Bùi

Kim Kỳ T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000770 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Q;*
- *VKSND TP. H;*
- *THADS TP. H;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Mạnh Hùng**